

Điều chỉnh trong phiên

Thông tin chỉ số VN30

Chỉ số VN30 đóng cửa tại 1,054 điểm. Cụ thể HPG (-7.0%), NVL (-7.0%), và VRE (-7.0%) tạo áp lực giảm điểm đáng kể lên chỉ số VN30. Về hoạt động khối ngoại, hoạt động mua duy trì ở mức cao với giá trị mua ròng ghi nhận ở mức 510 tỷ đồng, dẫn dắt chủ yếu bởi lực cầu trên VIC, VHM, và SSI.

Đồ thị VN30 Future: Điều chỉnh trong phiên

Giai đoạn phục hồi trên VN30F2212 đã bị gián đoạn khi áp lực bán gia tăng quanh vùng 1,100 điểm. Áp lực bán tăng mạnh và hợp đồng này đang có khuynh hướng kiểm định lại vùng 1,050 điểm. Vùng 1,050 điểm sẽ trở thành vùng hỗ trợ trong phiên trong khi vùng 1,150 điểm sẽ là vùng kháng cự tiếp theo. Tuy nhiên, điều chỉnh trong phiên/ngắn hạn là cần thiết để tích lũy thêm lực cầu và kéo dài giai đoạn phục hồi. Tổng khối lượng OI (Open Interest) giảm dưới mức 50,000 hợp đồng, điều này hàm ý rằng giai đoạn phục hồi hiện tại có thể bị chững lại trong phiên. Trong trường hợp này, traders nên tiếp tục nắm giữ vị thế mua.

Chiến lược đầu tư

Vị thế mua trên VN30F2212 nên được nắm giữ và dừng lỗ khi xuất hiện giá đóng cửa dưới ngưỡng 1,000 điểm. Với vị thế mua mới, traders nên chờ giai đoạn tích lũy ngắn hạn để có điểm vào tốt hơn. (Đồ thị giờ)

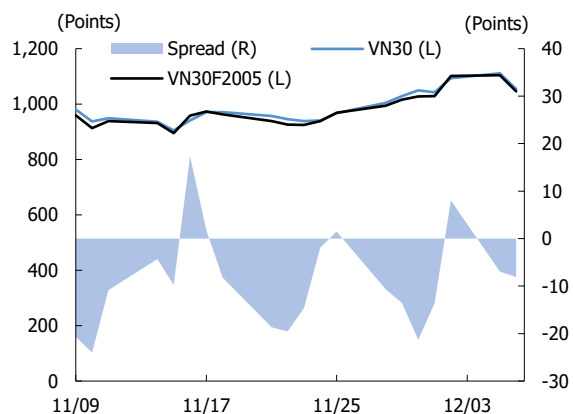
Bảng 1. Thống kê hợp đồng tương lai (điểm, %, hợp đồng)

	Giá đóng cửa	+/- %	KL giao dịch	KL Mở	Fair Value	Ngày thanh toán
VN30 Index	1,054.1	(5.1)				
VN30F2212	1,046.0	(5.3)	476,925	45,741	1,113	15/12/22
VN30F2301	1,042.0	(6.1)	4,307	3,970	1,119	19/01/23
VN30F2303	1,032.9	(4.7)	2,219	357	1,126	16/03/23
VN30F2306	1,028.3	(4.8)	998	542	1,140	15/06/23

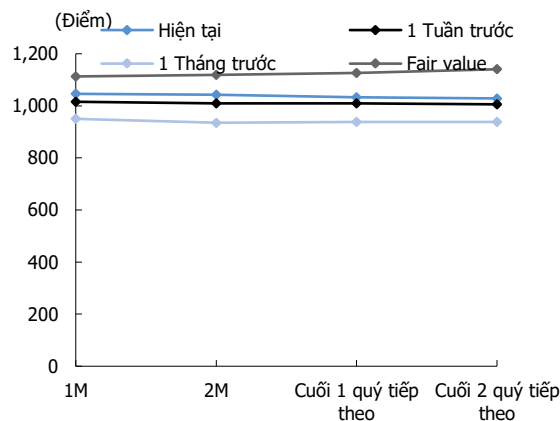
Nguồn: Bloomberg, KIS

Hình 1. Đồ thị nến theo giờ - VN30

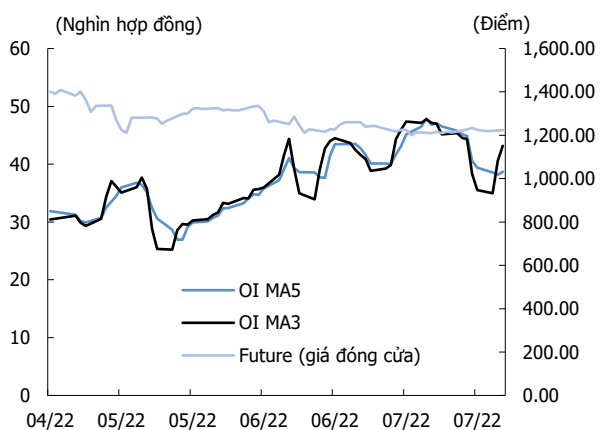
Nguồn: Bloomberg, KIS. Giá được điều chỉnh theo phương pháp Continuous Adjustment

Hình 2. Basis spread

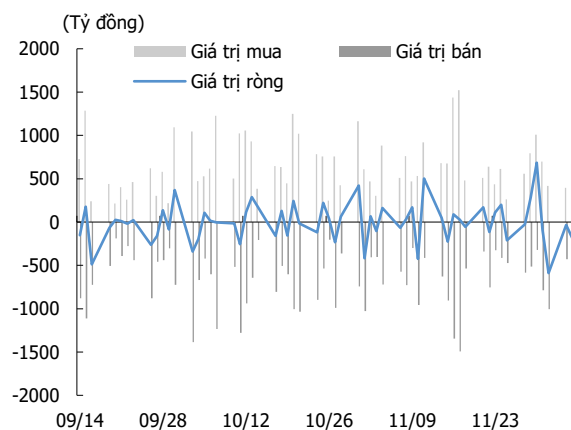
Nguồn: Bloomberg, KIS

Hình 3. Đường cong giá hợp đồng tương lai

Nguồn: Bloomberg, KIS

Hình 4. Open interest

Nguồn: Bloomberg, KIS

Hình 5. Giao dịch khối ngoại hàng ngày

Nguồn: Bloomberg, KIS

Bảng 2. Danh sách cổ phiếu VN30

(Tỷ đồng, đồng, %, x, nghìn CP)

Mã	Tên	Ngành	Vốn hóa	Tỷ trọng	Giá đóng cửa	% ngày	PER	PBR	KLGD 3 tháng	SH Nước Ngoài	Cao 52 Tuần	Thấp 52 Tuần
ACB	Ngân hàng Á Châu	Tài chính	75,317	6.35	22,300	(5.5)	5.7	1.35	3,774	30.0	29,080	17,450
BID	BIDV	Tài chính	197,788	0.79	39,100	(5.2)	12.2	2.05	1,609	17.2	49,950	28,000
BVH	Tập đoàn Bảo Việt	Tài chính	35,631	0.35	48,000	(5.0)	20.3	1.60	1,134	26.5	70,000	41,200
CTG	VietinBank	Tài chính	129,755	1.93	27,000	(5.6)	8.3	1.23	6,189	27.5	38,200	19,500
FPT	FPT Corp	CNTT	83,374	7.03	76,000	(2.9)	15.8	4.19	1,343	49.0	99,083	61,300
GAS	PV Gas	Dịch vụ tiện ích	209,578	1.04	109,500	(3.3)	15.7	3.70	395	3.0	134,000	91,000
GVR	Tập đoàn CN Cao su VN	Nguyên vật liệu	58,200	0.23	14,550	(6.7)	13.7	1.15	1,980	0.6	40,250	9,300
HDB	HDBank	Tài chính	41,250	2.87	16,400	(3.2)	5.5	1.17	2,346	18.1	26,000	13,050
HPG	Hòa Phát	Nguyên vật liệu	108,155	5.90	18,600	(7.0)	7.0	1.10	33,646	20.9	40,385	11,800
KDH	Nhà Khang Điền	Bất động sản	21,182	1.37	29,550	(5.0)	16.5	1.85	2,757	37.1	52,273	18,050
MBB	MBBank	Tài chính	80,252	4.38	17,700	(6.8)	4.6	1.11	11,615	23.2	29,083	13,200
MSN	Tập đoàn Masan	TD thiết yếu	145,220	6.49	102,000	(2.9)	15.1	5.66	1,089	30.4	145,833	69,100
MWG	Thế giới di động	TD không thiết yếu	64,909	4.83	44,350	(6.8)	12.7	2.79	3,722	49.0	81,400	35,250
NVL	Đầu tư Địa Ốc No Va (Novaland)	Bất động sản	40,172	1.59	20,600	(7.0)	14.1	1.08	9,481	4.9	91,000	19,050
PDR	BDS Phát Đạt	Bất động sản	10,411	0.41	15,500	(6.9)	4.8	1.24	5,874	6.2	73,221	11,200
PLX	Petrolimex	Năng lượng	38,372	0.38	30,200	(5.8)	40.9	1.65	1,150	17.9	65,900	22,950
PNJ	Vàng Phú Nhuận	TD không thiết yếu	27,331	2.35	111,100	(3.3)	8.1	3.24	383	49.0	131,100	90,000
POW	Điện lực Dầu khí Việt Nam	Dịch vụ tiện ích	25,526	0.51	10,900	(5.2)	21.9	0.86	11,696	4.6	20,800	8,910
SAB	SABECO	TD thiết yếu	114,469	1.25	178,500	(0.7)	21.2	4.70	167	62.7	203,000	142,900
SSI	Chứng khoán SSI	Tài chính	29,113	2.02	19,550	(6.0)	8.7	1.32	19,835	39.2	51,224	13,050
STB	Sacombank	Tài chính	39,118	3.88	20,750	(7.0)	9.4	1.06	20,347	25.4	36,700	14,050
TCB	Techcombank	Tài chính	95,141	6.13	27,050	(6.7)	4.5	0.87	6,597	22.5	54,900	19,300
TPB	Ngân hàng Tiên Phong	Tài chính	34,166	1.87	21,600	(6.7)	5.6	1.12	3,637	30.0	44,000	18,300
VCB	Vietcombank	Tài chính	378,601	4.13	80,000	(5.9)	14.0	1.40	1,238	23.6	96,000	62,000
VHM	Vinhomes	Bất động sản	239,490	5.94	55,000	(5.7)	7.6	1.76	3,204	23.9	87,500	41,250
VIC	VinGroup	Bất động sản	254,008	6.30	66,600	(2.2)	79.0	2.24	1,559	12.6	109,000	49,700
VJC	Vietjet Air	Công nghiệp	57,411	2.85	106,000	(0.8)	30.1	3.28	408	16.7	149,000	96,100
VNM	VINAMILK	TD thiết yếu	172,421	6.85	82,500	(2.9)	21.8	5.54	2,102	55.9	87,500	64,500
VPB	VPBank	Tài chính	113,453	7.32	16,900	(6.9)	5.6	1.20	17,429	17.7	27,367	13,650
VRE	Vincom Retail	Bất động sản	66,693	2.65	29,350	(7.0)	32.3	2.05	1,686	33.1	37,000	21,400

Nguồn: Bloomberg, KIS

Miễn Trừ Trách Nhiệm

Báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing cho chứng khoán Việt Nam được thực hiện và phát hành bởi phòng phân tích của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam, công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiện và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam.

Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam, hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.

Bản quyền © 2022 của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam.